

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-4-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 720/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Chu Thị H**, sinh năm 1981.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn Tr**, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:* Chị và anh Lê Văn Tr tự nguyện chung sống vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện X, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số 01/99 ngày 13/8/1999).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr không quan tâm vợ con, không lo làm ăn mà chỉ đam mê cờ bạc, đá

gà. Chị khuyên can và cho anh Tr nhiều cơ hội nhưng anh không sửa đổi nên vợ chồng bất hòa. Năm 2016 chị đã nộp đơn ly hôn, vụ án được Tòa án huyện N thụ lý, giải quyết. Sau đó do muốn hòa giải đoàn tụ để lo cho con chung nên chị rút đơn, Tòa án ra quyết định đình chỉ số 147 ngày 08/11/2016.

Chị và anh Tr sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh Tr vì vợ chồng không còn tình cảm.

- Con chung: chị và anh Tr có 03 con chung gồm Lê Văn Tuấn A - sinh ngày 09/5/2000, Lê Tuấn H- sinh ngày 30/7/2004, Lê Thị Quỳnh N - sinh ngày 25/5/2006. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cháu H và cháu N, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tuấn A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Lê Văn Tr đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Chu Thị H và anh Lê Văn Tr tự nguyện chung sống vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện X, tỉnh Đ. Quá trình chung sống, chị H khai có 03 con chung là Lê Văn Tuấn A-sinh ngày 09/5/2000, Lê Tuấn H - sinh ngày 30/7/2004, Lê Thị Quỳnh N - sinh ngày 25/5/2006. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng chị H sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn anh Tr, xin nuôi 02 con chung là cháu H và N, còn cháu A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Chu Thị H có yêu cầu vắng mặt, anh Lê Văn Tr đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Chu Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lê Văn Tr. Hiện nay anh Tr cư trú tại ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Chu Thị H, bị đơn là anh Lê Văn Tr.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Lê Văn Tr chung sống vào năm 1999, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/99 ngày 13/8/1999). Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986, hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị H cương quyết xin ly hôn anh Tr vì vợ chồng hết tình cảm.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị H khai là do anh Tr ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con. Từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng chị sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ lần nào. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không đến Tòa án, từ đó thể hiện anh Tr không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Tr đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được ly hôn anh Tr là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị H khai có 03 con chung gồm Lê Văn Tuấn A - sinh ngày 09/5/2000, Lê Tuấn H - sinh ngày 30/7/2004, Lê Thị Quỳnh N - sinh ngày 25/5/2006. Ly hôn, chị H xin nuôi cháu H và cháu N, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng. Đối với cháu Tuấn A đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy, từ khi chị H và anh Tr sống ly thân nhau đến nay thì các con chung được chị H trực tiếp chăm sóc, cháu H và cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần giao cho chị H nuôi dưỡng các con chung, tạm thời anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật. Đối với cháu Lê Văn Tuấn A đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Tài sản chung: chị H khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986, các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chu Thị H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Lê Văn Tr.

1. Xử: Cho chị Chu Thị H được ly hôn anh Lê Văn Tr.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Tuấn H - sinh ngày 30/7/2004 và Lê Thị Quỳnh N - sinh ngày 25/5/2006 cho chị H nuôi dưỡng. Tạm thời anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001104 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Chu Thị H, anh Lê Văn Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

